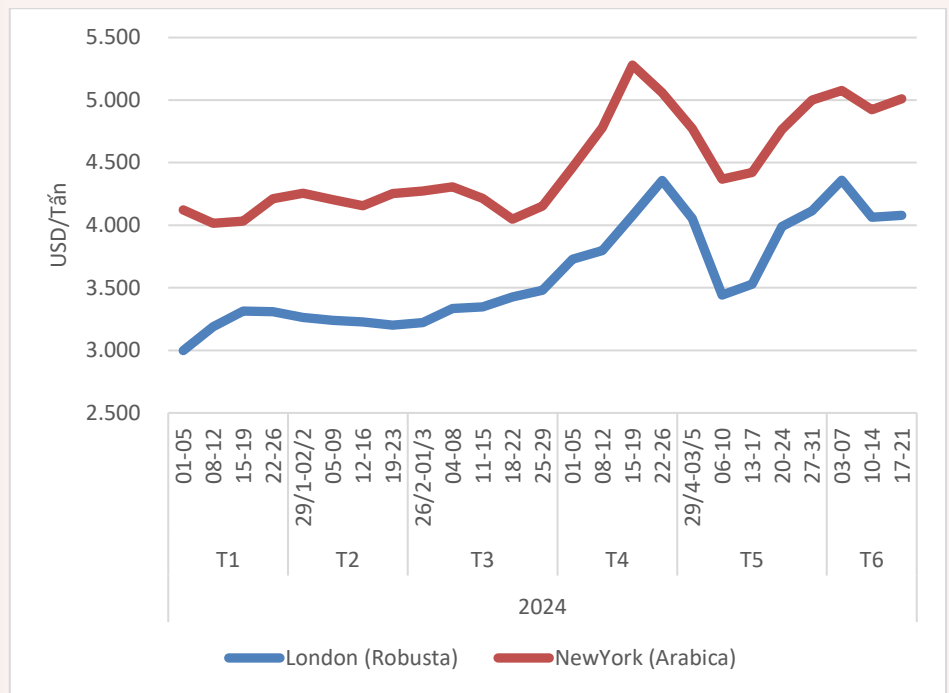




ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.078 USD/tấn, tăng 0,3% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.076 USD/tấn, tăng 1,8% so với tuần trước.
- ❖ Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2024/2025 tăng khoảng 4,2% so với niên vụ trước đạt 176,24 triệu bao.
- ❖ Theo USDA, sản lượng cà phê của Indonesia trong niên vụ 2024/2025 ước đạt 10,9 triệu bao, tăng 2,8 triệu bao so với niên vụ 2023/2024.
- ❖ Bộ Nông nghiệp Brazil dự báo xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong năm 2024 ước đạt 10,7 tỷ USD, tăng 17% so với năm 2023.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 10 đến 07/06/2024, giá cà phê thế giới không biến động nhiều so với tuần trước. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2024 tại thị trường London đạt 4.078 USD/tấn, tăng 0,3% so với tuần trước và tăng 45,4% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.176USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.994 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 bình quân đạt 5.001 USD/tấn, tăng 1,8% so với mức giá tuần trước và tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.076 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.989 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2024/2025

Theo báo cáo định kỳ 6 tháng của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2024/2025 tăng khoảng 4,2% so với niên vụ trước đạt 176,24 triệu bao. Sản lượng cà phê thế giới phục hồi trong niên vụ 2023/2024 do sản lượng cà phê của Brazil và Indonesia tăng trong niên vụ này. Niên vụ 2024/2025 sản lượng cà phê Arabica đạt 99,86 triệu bao, tăng 4,4% so với niên vụ trước và sản lượng cà phê Robusta đạt 76,38 triệu bao, tăng 3,9% so với niên vụ 2023/2024. [2]

Ngoài ra, USDA dự báo tồn kho cà phê toàn cầu cuối niên vụ 2024/2025 tăng 7,7% so với niên vụ 2023/2024. [2]

Indonesia

Theo USDA, sản lượng cà phê của Indonesia trong niên vụ 2024/2025 ước đạt 10,9 triệu bao, tăng 2,8 triệu bao so với niên vụ 2023/2024. Trong đó, sản lượng cà phê Robusta ước đạt 9,5 triệu bao, tăng 2,7 triệu bao so với niên vụ trước, do điều kiện thuận lợi tại các vùng sản xuất chính Sumatra và Java, nơi trồng khoảng 75% cà phê của nước này. Sản lượng cà phê Arabica tăng nhẹ lên mức 1,4 triệu bao. [2]

Brazil

Theo USDA, sản lượng cà phê niên vụ 2024/2025 của Brazil sẽ tăng khoảng 7,3% so với niên vụ trước, đạt khoảng 48,2 triệu bao. Nguyên nhân do diện tích sản xuất tăng và năng suất cà phê Arabica được dự báo tăng. Cụ thể, sản lượng cà phê Arabica tăng 3,6 triệu bao đạt 69,9 triệu bao trong niên vụ 2024/2025. [3]

Tính đến ngày 15/06/2024, Brazil đã thu hoạch được 44% sản lượng cà phê của quốc gia này trong niên vụ 2024/2025, nhanh hơn 5% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn 4% so với trung bình 5 năm gần nhất. [3]

Các nhà xuất khẩu cà phê của Brazil đang phải đối mặt với các khó khăn trong việc hậu cần xuất

khẩu, 81% các chuyến hàng xuất khẩu bị trì hoãn trong tháng 3/2024.

Bộ Nông nghiệp Brazil dự báo xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong năm 2024 ước đạt 10,7 tỷ USD, tăng 17% so với năm 2023. Trong đó, xuất khẩu Arabica chiếm 72% và Robusta chiếm 28%. Doanh thu cà phê Arabica dự kiến tăng 9,4%, trong khi doanh thu cà phê Robusta được dự báo tăng 29% [3]

Liên minh Châu Âu chưa sẵn sàng thi hành Quy định EUDR

Quy định chống phá rừng của châu Âu (EUDR) sẽ chính thức có hiệu lực vào cuối tháng 12/2024. Quy định này yêu cầu các nhà nhập khẩu vào châu Âu các mặt hàng cà phê, ca cao, thịt bò, đậu nành, cao su, gỗ và dầu cọ phải chứng minh rằng chuỗi cung ứng của họ không góp phần vào nạn phá rừng ở bất kỳ đâu trên thế giới. Nếu vi phạm EUDR, họ có thể bị phạt tới 4% doanh thu trong EU. [4]

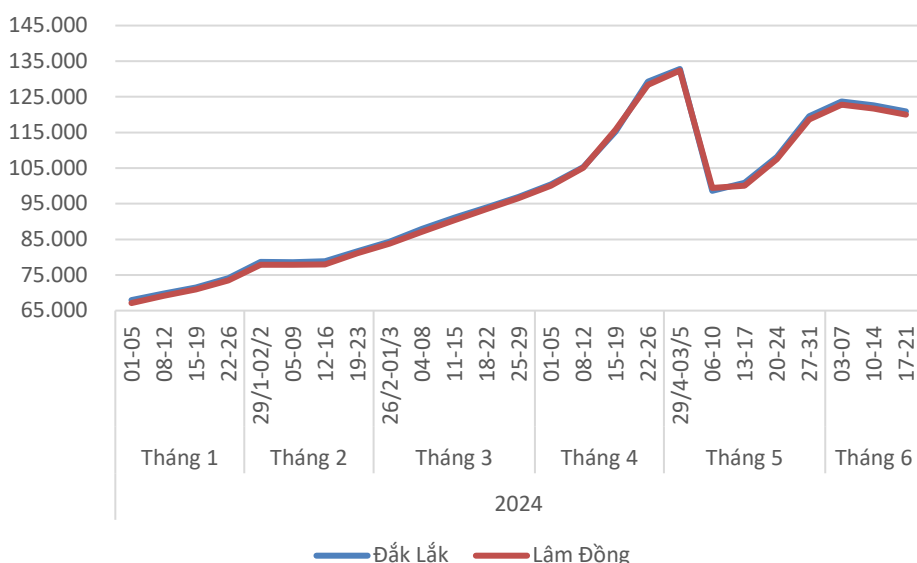
Tuy nhiên, tháng 3/2024, tại cuộc họp cấp Bộ trưởng ở Brussels (Bỉ), Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Áo Norbert Totschnig đưa ra tuyên bố chung của các quốc gia châu Âu, kêu gọi Ủy ban Châu Âu (EC) tạm thời đình chỉ thời hạn EUDR có hiệu lực. Các Bộ trưởng nông nghiệp của 20 nước thành viên đã ủng hộ lời kêu gọi của Cộng hòa Áo về việc sửa đổi Quy định chống phá rừng của EU. [4]

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia sản xuất cà phê lớn trên thế giới như Brazil và Indonesia cũng chỉ trích đạo luật này, cho rằng Quy định có tính phân biệt đối xử; các tiêu chuẩn mới có thể hạn chế nông hộ nhỏ tiếp cận thị trường EU. Đối tượng nông dân ở các vùng sâu, vùng xa sẽ gặp khó khăn trong việc cung cấp tọa độ địa lý để chứng minh nông sản của họ không gây phá rừng sau năm 2020. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên tiếp tục tăng. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 120.933 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 120.000 VNĐ/kg.
- ❖ Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến giữa tháng 6 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã đạt gần 900.000 tấn, trị giá 3,04 tỷ USD, giảm hơn 8% về lượng nhưng tăng 38% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Theo Sở Công thương Gia Lai, 6 tháng đầu năm 2024, khối lượng xuất khẩu ước đạt 148 ngàn tấn, tương ứng kim ngạch 452 triệu USD, tăng 19,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Theo Trung tâm thống kê ngoại thương Nhà nước Brazil, Việt Nam đã nhập khẩu 7.284 tấn cà phê nhân từ Brazil trong 5 tháng đầu năm 2024, tăng gấp 3 lần cùng kỳ năm 2023.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Trong tuần từ 17/06 đến 21/06/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục có xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 120.933 VNĐ/kg, giảm 1,4% so với tuần trước, nhưng tăng 82,33% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 120.000 VNĐ/kg, giảm 1,41% so với tuần trước nhưng tăng 81,87% so với cùng kỳ năm trước. [5]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê tính đến giữa tháng 6 tháng đầu năm 2024.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến giữa tháng 6 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã đạt gần 900.000 tấn, trị giá 3,04 tỷ USD, giảm hơn 8% về lượng nhưng tăng 38% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức cao kỷ lục so với cùng kỳ các năm từ trước tới nay. Kết thúc 8 tháng niên vụ 2023/2024 (bắt đầu từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024), Việt Nam đã xuất khẩu gần 1,2 triệu tấn cà phê, chiếm khoảng 80% sản lượng của niên vụ hiện tại và giảm 7% so với cùng kỳ niên vụ trước. [6]

Tại các vùng trồng cà phê lớn của Việt Nam, hạn hán và sâu bệnh đang gây ra ảnh hưởng nặng tới năng suất cà phê. Sản lượng cà phê niên vụ 2024/2025 ước giảm 20% so với niên vụ trước, xuống còn 1,47 triệu tấn. Đây là mức thấp nhất trong 4 năm gần nhất và sẽ tạo áp lực lên nguồn cung cà phê Robusta trên thị trường thế giới. [6]

Tình hình xuất khẩu cà phê của Gia Lai trong 6 tháng 2024.

Theo Sở Công thương Gia Lai, 6 tháng đầu năm 2024 kim ngạch xuất khẩu của Gia Lai ước thực hiện 525 triệu USD. Trong đó, cà phê là mặt hàng xuất khẩu chủ lực với khối lượng xuất khẩu ước đạt 148 ngàn tấn, tương ứng kim ngạch 452 triệu USD, tăng 19,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.[7]

Tình hình nhập khẩu cà phê Việt Nam

Theo Trung tâm thống kê ngoại thương Nhà nước Brazil, Việt Nam đã nhập khẩu 7.284 tấn cà phê nhân từ Brazil trong 5 tháng đầu năm 2024, tăng gấp 3 lần cùng kỳ năm 2023. Năm 2023, Việt Nam đã nhập khẩu 8.182 tấn cà phê từ Brazil, tăng gần 6 lần so với năm 2022.[8]

Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2024/2025

Theo USDA, sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2024/2025 dự báo vào khoảng 29 triệu bao loại 60 kg/bao, giảm nhẹ so với ước tính 29,1 triệu bao của niên vụ 2023/2024.[8]

Hiện nay nông dân trồng cà phê ở Việt Nam đang áp dụng phương pháp trồng xen để đa dạng và tăng doanh thu thay vì phương án chuyển hoàn toàn sang cây trồng khác. Theo USDA, diện tích sản xuất cà phê của Việt Nam vẫn duy trì ở mức khoảng 600.000 ha. Cà phê là cây trồng quan trọng tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk.[8]

Kon Tum

Huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum hiện có hơn 15 nghìn ha cà phê. Năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00079 cho cà phê Đắk Hà đối với bốn loại sản phẩm gồm cà phê nhân, cà phê rang, cà phê bột và cà phê tinh Kon Tum.[9]

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, cà phê là cây trồng chủ lực của huyện và có ý nghĩa quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Sau 5 năm được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Cà-phê Đắk Hà”, cộng

đồng doanh nghiệp và trực tiếp là người nông dân đã chủ động đầu tư hệ thống thiết bị, ứng dụng công nghệ cao vào các khâu sản xuất, chế biến sản phẩm cà phê theo hướng bền vững, gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp của địa phương. [9]

Tính đến tháng 5/2024, huyện Đắk Hà có 17 cơ sở chế biến cà phê thành phẩm. Huyện có 21 sản phẩm cà phê được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đánh giá, phân hạng và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP từ 3 đến 4 sao, một sản phẩm đạt 5 sao. Khối lượng cà phê xuất khẩu trung bình hàng năm đạt khoảng 500 tấn cà phê nhân và khối lượng tiêu thụ nội địa khoảng 335 tấn. [9]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.investing.com>
2. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ
3. dailycoffeenews.com
4. nongnghiep.vn
5. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
6. Báo Sài Gòn Giải Phóng
7. Báo Đắk Lắk
8. stockbiz.vn
9. Báo Công thương
10. Báo Đắk Nông

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	119.000	120.000	119.000	120.000	122.000	120.000	-1.720
Di Linh	119.000	120.000	119.000	120.000	122.000	120.000	-1.720
Lâm Hà	119.000	120.000	119.000	120.000	122.000	120.000	-1.720
Bảo Lộc	119.000	120.000	119.000	120.000	122.000	120.000	-1.720
ĐẮK LẮK	119.933	120.933	119.933	120.933	122.933	120.933	-1.720
Cư M'gar	120.000	121.000	120.000	121.000	123.000	121.000	-1.720
Ea H'leo	119.900	120.900	119.900	120.900	122.900	120.900	-1.720
Buôn Hồ	119.900	120.900	119.900	120.900	122.900	120.900	-1.720
ĐẮK NÔNG	120.150	121.150	120.150	121.150	123.150	121.150	-1.720
Gia Nghĩa	120.200	121.200	120.200	121.200	123.200	121.200	-1.720
Đắk R'lấp	120.100	121.100	120.100	121.100	123.100	121.100	-1.720
GIA LAI	120.000	120.933	119.933	120.933	122.933	120.947	-1.707
Chư Prông	120.000	121.000	120.000	121.000	123.000	121.000	-1.760
Pleiku	120.000	120.900	119.900	120.900	122.900	120.920	-1.700
La Grai	120.000	120.900	119.900	120.900	122.900	120.920	-1.660
KON TUM	120.000	121.000	120.000	121.000	123.000	121.000	-1.620
Đắk Hà	120.000	121.000	120.000	121.000	123.000	121.000	-1.620

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn